

DẤU ẤN ĐÈO NGANG TRONG TÍN NGƯỠNG THỜ THÁNH MẪU LIỄU HẠNH Ở VIỆT NAM

NGUYỄN PHƯỚC BẢO ĐÀN^(*)

Có thể nói ngay rằng, tín ngưỡng thờ Mẫu ở Việt Nam là hiện tượng phổ biến và có nguồn gốc từ lâu đời. Khởi nguồn từ sự biết ơn người đàn bà - người mẹ trong nhận thức thừa hoang sơ của con người, yếu tố mẹ - đàn bà - âm - nữ tính luôn chi phối mọi hoạt động của đời sống - cả hoạt động sản xuất lẫn tín ngưỡng... Chúng ta có thể nhận thấy rõ điều này khi "trong số 1000 di tích văn hóa thì đã có đến 250 di tích thờ cúng các vị nữ thần hay danh nhân là nữ"⁽¹⁾, hay trong sách *Các nữ thần Việt Nam* đã thống kê được 75 vị nữ thần tiêu biểu ở nước ta cùng với việc giới thiệu các vị thần linh ứng và "nếu kể riêng tổ sư các ngành nghề ở nước ta thôi, thì cũng lọc ra không ít tổ nghề là nữ"⁽²⁾. Người đàn bà hiển thân được thờ phụng khắp nơi trên toàn cõi Việt Nam, không chỉ là những hình tượng trong thần thoại của nhiều tộc người, mà có khi còn ở dạng truyền thuyết (Trảo Trảo phu nhân, Kì Thạch phu nhân, Thái Dương phu nhân/ Thái Dương thần nữ, Mẹ giống nòi/ Âu Cơ, Thánh Mẫu Liễu Hạnh, Por Nagar, Bà Đen/ Đênh...) Nhưng dù là thần thoại, là truyền thuyết, là thần thánh hoá..., thì bao trùm lên tất cả vẫn là Mẫu/ Thánh Mẫu - nữ thần - nơi kết tụ tâm linh của dân gian và thường họ gắn với những hiện tượng của thiên nhiên, vũ trụ (mây, mưa, sấm, chớp...), những hiện tượng của nền văn minh nông nghiệp -

văn minh lúa nước. Đây cũng là một đặc trưng thiết yếu của văn hóa tín ngưỡng dân gian người Việt.

Dưới quan điểm của Đảng và Nhà nước về việc *xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc và bài trừ mê tín dị đoan*, tín ngưỡng thờ Mẫu trong thực tế với những biến dạng ngày càng xa dần hiện tượng gốc trong tục thờ Mẹ, đang đặt các nhà nghiên cứu trước những vấn đề không đơn giản. Với ba vị nữ thần (tồn tại trong truyền thuyết như ba chị em, con của Ngọc Hoàng Thượng Đế được phân công cai quản ba miền): miền Bắc với sự nổi trội của Tiên Chúa/ Thánh Mẫu Liễu Hạnh (*Vân Cát thần nữ*); miền Trung với *Thiên Y A Na Diễn Phi Chúa Ngọc* (một dạng hóa thân sau khi được đắp nhiều lớp áo văn hóa trong quá trình giao thoa - tiếp biến của nữ thần Po Nagar - người Mẹ đất nước / Mẹ xứ sở của dân tộc Chăm); miền Nam với *Linh Sơn Thánh Mẫu / Bà Đen* (Bà Thâm, Bà Đanh, Đênh...) (Mukjut), đang ngự trị trong lòng tin của tín đồ thờ Mẫu hiện nay ở Việt Nam.

Sự hội tụ và lan toả / phát tán luôn là đặc trưng mang tính tất yếu của mỗi một hiện tượng văn hóa, trong bài viết này, qua kết quả khảo sát ở di tích đền Liễu

*. Nhà nghiên cứu, Phân viện Nghiên cứu Văn hóa nghệ thuật tại Thành phố Huế.

Hạnh (Vĩnh Sơn - Quảng Đông - Quảng Trạch - Quảng Bình) chúng tôi muốn đề cập đến *Ranh giới / Dấu ấn Đèo Ngang (Hoành Sơn) trong tín ngưỡng thờ Mẫu Liễu ở miền Bắc và Việt Nam nói chung*, cũng như mối quan hệ mang tính kế thừa, giao thoa, tiếp biến văn hóa giữa Bắc - Nam Đèo Ngang / Đàng Trong - Đàng Ngoài, cũng như trong quá trình nam tiến của các thế hệ tiền nhân.

1. Miếu Thờ Liễu Hạnh phía cực Nam thời phong kiến

Không như ở miền Bắc với sự hiện diện của rất nhiều ngôi đền thờ Thánh Mẫu Liễu Hạnh, ở miền Trung hình ảnh Tiên Chúa trong hệ thống thần linh, nếu không nói là mờ nhạt thì cũng rất khiêm tốn. Trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, từ rất sớm, có sự hiện diện cá biệt của ngôi đền phụng thờ Tiên Chúa ở *chân Đèo Ngang thuộc thôn Vĩnh Sơn, huyện Bình Chính*⁽³⁾, nay thuộc thôn Vĩnh Sơn, xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Trong đợt khảo sát gần đây ở Phế lũy Lâm Ấp - Lũy cũ Hoàn Vương trên khu vực Đèo Ngang / Hoành Sơn, căn cứ vào những chỉ dẫn ít ỏi của *Đại Nam Nhất Thống chí*, chúng tôi thử tìm hiểu về ngôi miếu thờ Liễu Hạnh ở khu vực này.

Ngôi miếu hiện nay, tuy đã đổ nát đi nhiều bởi nhiều lí do khác nhau, nhưng vẫn mang vẻ uy nghi, hoành tráng nằm lẫn khuất trong rừng cây. Tòa nhà chính điện hiện đổ nát, các tượng thờ⁽⁴⁾ được bài trí sau hậu điện với những bát nhang nhỏ nhắn. Trước mặt bái đình là cổng tam quan với hai tượng thần (không rõ mặt) đắp nổi cao lớn bằng người thật, đối xứng hai bên là cặp voi đứng châu... Tất cả

hiện hiện trong mắt người quan sát một vẻ gì đó trầm mặc, cổ kính... xen chút thâm u, huyền bí của chốn thần linh trong cảm nhận của người trần.

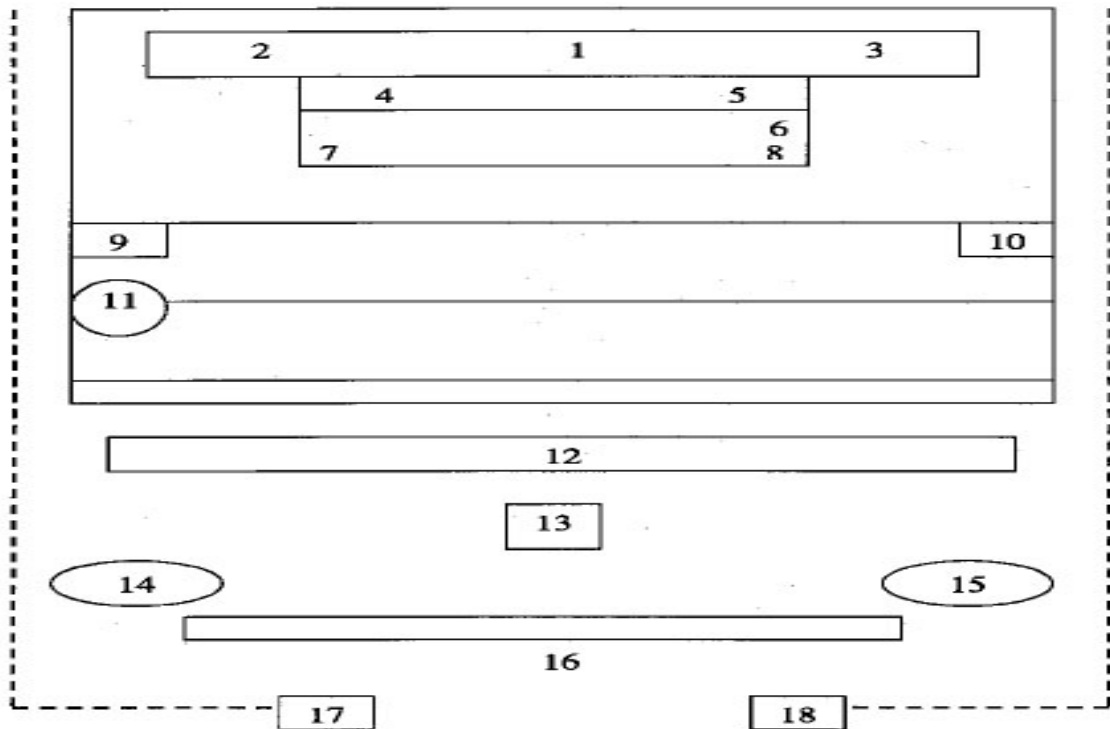
Nếu chỉ tính riêng khu vực Bình - Trị - Thiên (khu vực bắc Hải Vân - mảnh đất diễn ra rất nhiều cuộc chiến tranh tàn khốc dưới thời phong kiến, cũng như là địa bàn giao thoa mạnh mẽ của hai nền văn hóa Việt - Chăm), bên cạnh sự mật tập của những am điện thờ Thiên Y A Na Thánh Mẫu với đông đảo tín đồ là sự có mặt ít ỏi của những ngôi đền thờ Liễu Hạnh với một lượng người phụng thờ khiêm tốn⁽⁵⁾. Tại Huế, ngôi đền đầu tiên (trong số nhiều am điện Mẫu) thờ Liễu Hạnh công chúa là Phổ Hóa Cung do vợ chồng một vị quan của hai triều Khải Định và Bảo Đại⁽⁶⁾, vốn đã thờ Bà ở quê nhà Hà Tĩnh, xây dựng khi về kinh nhậm chức. Trải qua một thời gian khá dài với sự suy thịnh của một dòng tín ngưỡng dân gian đến nay, nó cũng chỉ phát triển một vài chi nhánh ít ỏi ở Quảng Trị, Thừa Thiên.

2. Tín ngưỡng thờ Liễu Hạnh ở vùng phía nam Đèo Ngang

Trước khi Tiên Chúa Nguyễn Hoàng mang theo câu sấm Trạng Trình "*Hoành Sơn nhất đái - Vạn đại dung thân*" vào vùng Thuận Hóa xây dựng cơ đồ, đặt nền móng cho sự khởi nghiệp của dòng họ Nguyễn; những thế hệ người Việt trên bước đường nam chinh của các triều đại trước đó, khi bước qua Đèo Ngang, hẳn đã rất ngỡ ngàng trước một nền văn hóa xa lạ trên một vùng đất trước đó nằm trong vùng ảnh hưởng của Ấn Độ giáo (Hinduism) với những con người, tượng thần kì bí, những ngôi tháp nung hoành tráng... chưa một lần nhìn thấy trên quê hương mình. Theo một sự suy diễn

MIẾU THỜ LIỄU HẠNH

(Vĩnh Sơn - Quảng Đông - Quảng Trạch - Quảng Bình)



CHÚ THÍCH:

1,2,3 Tam Toà Thánh Mẫu**4,5,7,8 Bát nhang****6. Tượng Hổ****9,10 Tượng thờ (không rõ)****11. Gốc đa****12. Cổng tam quan****13. Lư hoá mã****14,15 Tượng voi****16. Bình phong****17,18 Cột trụ****--- Tường đồ**

(không xác định được phạm vi)

thường tình, những thế hệ nam tiến đầu tiên thường mang những biểu hiện dè dặt⁽⁷⁾ và tiếp thu một cách có chọn lọc những điều phù hợp với mình, khi giao lưu với "tầng văn hóa sống" chứ không phải thông qua những phé tích Chàm hoang vắng của lớp người bản địa tiên trú⁽⁸⁾. Tuy nhiên, trên thực tế, trong hệ thống tín ngưỡng của nhóm cư dân láng giềng, các đền tháp thờ phụng *Po Inur Nugar* thì ngược lại - chúng được người Việt tiếp thu và phụng thờ như mình đã từng và vốn có hình tượng ấy trong lòng. Bởi khi ra đi từ cái nôi của mình trên đất Bắc - mảnh đất mà tín ngưỡng

thờ Mẫu Thần, thờ Mẹ / nữ thần theo sự phát triển của chế độ xã hội vốn đã bám rễ vững bền, hằn sâu trong tâm thức của mỗi một người dân.

Dạng tín ngưỡng này có thể khởi nguồn từ rất sớm - bởi khi tồn tại và phát triển trên loại hình kinh tế trồng trọt, nỗi mong ngóng của người nông dân không gì lớn hơn ngoài việc cầu *mưa thuận - gió hoà, mùa màng tốt tươi...* Trong mối quan hệ giữa con người và cây trồng - đối tượng chính của người nông dân: ngoài nguồn sáng, đất và nước, còn có những yếu tố khác chi phối mạnh mẽ đến sự tồn tại, sinh trưởng của cây. Đất - nước thuộc

phạm trừ âm, có lẽ từ quan niệm đất đai là nguồn sống và ý thức luôn cầu mong ở đất ban cho nguồn của cải dồi dào, mà dần dần họ định hình - xây dựng hình ảnh nhiều vị thần nông nghiệp - những vị thần mang nguyên lí âm. Bên cạnh đó là vai trò tối quan trọng của người đàn bà/ người mẹ trong xã hội Mẫu hệ - một giai đoạn khá dài trong lịch sử của xã hội loài người, mà từ đó, con người biểu hiện những vị thần linh của mình thường ở dạng nữ thần - Thần Mẹ. Rồi các vị thần khác cũng thế, cũng dần được *âm tính hóa* như: Mây - Mưa - Sấm - Chớp... (những yếu tố ngoài đất - nước - nguồn sáng chi phối không nhỏ đến sự trưởng thành của cây) được tôn thần thành Tứ Pháp (Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lô, Pháp Điện), mà hình ảnh biểu trưng là bốn người đàn bà mang nhiều quyền năng thần thánh.

Trong hành trang mang theo khi xa lìa cố hương của những lớp người Việt nam tiến, hẳn nhiên không thể thiếu những dạng hình tín ngưỡng vốn có, và có lẽ vì thế, trên vùng đất mới ở phía nam Đèo Ngang, bên cạnh những paley Chăm, ngôi làng Việt thừa ấy vẫn còn giữ nguyên hình ảnh với đầy đủ mái đình, gốc đa, bến nước và ngôi chùa làng phụng thờ Phật Mẫu, những vị thần linh gốc Việt. Dần về sau, hình ảnh *mẹ xứ sở* của người Chăm được "bổ sung" và ngày càng có vị trí qua chặng đường tiếp biến tất yếu của lớp người hậu trú.

Từ những lớp người nam tiến đầu tiên với việc tiếp thu bà *Po Nagar* thành vị nữ thần của chính dân tộc mình, đến việc xuất hiện của Tiên Chúa / Thánh Mẫu Liễu Hạnh/ Vân Cát thần nữ trong tín ngưỡng thờ Mẫu Thần của cư dân Bắc Bộ

phải mất vài thế kỉ. Vào thế kỉ XVI (năm Thiên Hựu (1557) - triều Lê Anh Tông), tại vùng đất Thiên Bản - Nam Định, Liễu Hạnh công chúa chính thức khai sinh, du nhập vào tín ngưỡng người Việt. Với vai trò chống ngoại xâm, diệt ác trừ gian, ban phúc lộc vị Thánh Mẫu này đã đưa dòng tín ngưỡng của mình phát triển một cách nhanh chóng, qua việc hiển linh nhiều nơi, trên một khu vực rộng lớn (trong truyền thuyết và các bài văn chầu, *giáng bút*): từ quê hương An Thái - Vân Cát - Thiên Bản - Nam Định, Liễu Hạnh lan tỏa, hiện diện ngay tại kinh thành Thăng Long (Hà Nội); phía nam qua phố Cát, đền Sòng (Thanh Hóa), Nghệ Tĩnh đến "Đèo Ngang (Hoành Sơn); phía bắc đến Lạng Sơn, có mặt tại "Hải Tầm phòng thủ" (Đồ Sơn - một vị trí yết hầu của miền Bắc)..., tựu trung, *sự hiển hiện của Liễu Hạnh công chúa đều gắn với những nơi sơn thủy hữu tình, có vị trí địa lí trọng yếu hoặc đường giao thông quan trọng*⁽⁹⁾. Trên mặt lí thuyết, các nhà nghiên cứu thường có xu hướng cho con đường chuyển hóa của những dòng tín ngưỡng đều ra đi từ cái nôi ở châu thổ Bắc Bộ xuống phía nam, toả đi khắp các vùng miền trong cả nước theo bước chân lưu tán của cư dân Việt⁽¹⁰⁾, nhưng, trên thực tế, nếu không tính đến các giai tầng xã hội, sự lan tỏa của dòng tín ngưỡng này dường như bị chặn lại ở khu vực Đèo Ngang - hàng số địa lí giữa hai vùng bắc và trung Trung bộ Việt Nam với sự hiện diện đơn độc và cuối cùng của ngôi miếu thờ Liễu Hạnh ngay ở sườn nam Hoành Sơn thời phong kiến.

Theo chúng tôi, hiện tượng này có thể được lí giải như sau:

- Dòng tín ngưỡng thờ Thánh Mẫu Liễu Hạnh xuất hiện khá muộn (thế kỉ XVI) sau vài thế kỉ so với việc tiếp thu, thừa nhận bà Po Nagar thành vị nữ thần của dân tộc mình trong lòng người Việt nam tiến (giai đoạn thế kỉ XI - XIV và có thể sớm hơn). Nên khi hình ảnh Liễu Hạnh lan toả khắp khu vực Bắc Bộ, đến vùng đất Hà Tĩnh - Quảng Bình (cụ thể là khu vực nam Đèo Ngang - vùng đất mới được khai phá bởi những thế hệ người Việt đầu tiên định cư, cùng với quá trình co dần về phương nam của người Chăm tiên trú), thì bị chặn lại bởi tín ngưỡng thờ bà Thiên Y A Na tại khu vực này, mà tín ngưỡng này đã ăn sâu tận gốc rễ trong lòng người Việt miền Trung.

- Suy cho cùng, tín ngưỡng thờ nữ thần/ mẫu thần cũng như bao loại hình tín ngưỡng dân gian khác đều nảy sinh, tồn tại và phát triển cùng với những ước vọng, những lợi ích thiết thân của con người. Đặc biệt, khi tín ngưỡng đó gắn kết với những lợi ích về kinh tế, những nhu cầu thiết thân trong cuộc sống thường nhật, thì lại càng có cơ sở để tồn tại. Thánh Mẫu Thiên Y A Na, trong truyền thuyết với những chức năng gắn kết, mang tính thiết thân với cuộc sống của những người làm nông nghiệp; hộ quốc an dân, bao bọc con dân của mình trong những lúc nguy nan khốn khó..., sẽ dễ bề tồn tại trong cộng đồng cư dân - vốn phải sinh tồn trên vùng đất cằn cỗi với những điều kiện sinh hoạt không mấy được thiên nhiên ưu đãi. Hình ảnh Liễu Hạnh công chúa, tuy xuất hiện khá muộn, nhưng có thể sẽ được người Việt miền Trung tiếp thu và dung hòa vào hình tượng Mẫu Thần Thiên Y A Na như một lớp áo văn hóa, nếu bà cũng

mang những quyền năng như thế - những lợi ích trước mắt của một cộng đồng người như bà Thiên Y A Na đã và vẫn đảm bảo.

- Thời điểm khai sinh Tiên Chúa Liễu Hạnh cũng là lúc Nguyễn Hoàng mang theo thuộc hạ vào vùng Thuận Hóa xây dựng cơ đồ, quá trình dòng tín ngưỡng này lan tỏa khắp miền Bắc cũng là lúc những toan tính cát cứ - xây dựng một xứ Đàng Trong đối/ độc lập/ tách biệt hẳn với Đàng Ngoài (tập đoàn Lê - Trịnh) trên nhiều phương diện của Nguyễn Hoàng (và con cháu của ông) trỗi dậy. Trong thế đối lập ấy có lẽ những dòng tín ngưỡng từ Đàng Ngoài trong giai đoạn này không dễ dàng lan tỏa. Và trên thực tế, để thực hiện kế sách thu phục/cố định nhân tâm, chúng ta không loại trừ khả năng các chúa Nguyễn chấp nhận bà *Po Nagar* - Thiên Y A Na vốn đã hiện hữu trong tín ngưỡng dân gian Việt xứ Đàng Trong thời bấy giờ. Sự khai sinh của chùa Thiên Mục (Mục/Bà Trời)/ Linh Mục có thể là bước biểu hiện đáng kể, nhằm khẳng định sự tồn tại của dòng tín ngưỡng này. Để rồi về sau, trước những bi kịch của triều đại, con cháu của ông lại tìm đến Mẫu, tự nhận làm đệ tử thuần thành của Mẫu, gửi gắm niềm tin vào Mẫu với khát vọng cháy bỏng: trong ngôi vị hoàng đế vượt mọi can qua⁽¹¹⁾...

3. Dấu ấn Đèo Ngang trong văn châu của tín ngưỡng thờ Mẫu

Bên cạnh hệ thống thần linh, âm nhạc Châu Văn - những bài văn châu⁽¹²⁾, là bộ phận không thể thiếu trong tín ngưỡng thờ Mẫu ở Việt Nam. Những bài văn châu, có thể xem là những bài tụng ca hay bản kinh của tín đồ thờ Mẫu, chúng thường được cấu trúc theo dạng những bài thơ lục bát, song thất lục bát - một

thể loại rất phổ biến vào thời Hậu Lê⁽¹³⁾; hay dưới dạng những biến thể một câu bốn chữ, năm chữ; hoặc đi thẳng vào câu bát (tám chữ).

Trong tất cả những bài văn châu hiện tồn tại ở khu vực miền Trung, địa danh *Đèo Ngang* thường xuất hiện với tần số khá cao:

"... Chúa Tiên đặng ban cho Huê Hiệu
Lại tùy tùng Hoà Diệu Đại Vương

Có phen chơi cảnh Đèo Ngang

Nhờ nhờ nước trí mơ màng non
nhơn..."⁽¹⁴⁾

"... Thủa xưa sách còn ghi chuyện

Dấu Đèo Ngang Phố Cát mấy
phen..."⁽¹⁵⁾,

"... Hiệu phong bà Đệ Nhất Đào Nguyên
theo hầu tiên nữ đôi bên

lệnh sai bà phải Đèo Ngang theo
hầu..."⁽¹⁶⁾,

Hoặc:

"...Miệng bà cười trăm hoa đua nở

Tay vịn cành cánh tợ phụng bay

Khi chơi bắn nhẹ ven mây

Khi vào Thiên Bồng Phủ Giày Đèo Ngang

Bà dạo sang Tuyên Quan Phủ Lý

Thú hữu tình sơn thủy rong chơi..."⁽¹⁷⁾.

Dấu ấn Đèo Ngang trong các bài văn châu được nhắc đến như nhấn mạnh cương giới ảnh hưởng của hai vị thần nữ: Liễu Hạnh (ở miền Bắc) và Thiên Y A Na Ngọc Diển Phi (ở miền Trung). Đèo Ngang, ranh giới Đàng Trong - Đàng

Ngoài thời phân tranh Trịnh - Nguyễn; hàng số địa lí này, vô hình trung cho chúng ta biết thời điểm xuất hiện của nhiều bài văn châu ở khu vực miền Trung hiện nay xuất phát từ miền Bắc, được sáng tác dưới thời Lê - Trịnh, đồng thời cũng chính là vùng ảnh hưởng, là ranh giới, là điểm dừng cuối cùng về phía nam của một số những vị thần có nguồn gốc từ Đàng Ngoài.

Từ nhiều lí do khác nhau, khiến dòng tín ngưỡng phụng thờ Thánh Mẫu Liễu Hạnh vốn lan tỏa một cách mạnh mẽ khắp vùng châu thổ sông Hồng, lại không thể vượt qua Đèo Ngang - một ngọn đèo không cao cho lắm; nhưng rất khó khăn mới có thể tồn tại một ngôi đền đơn độc ở sườn nam Hoàn Sơn, mà ngày nay không mấy người biết đến.

Trong hệ thống thần linh của dòng tín ngưỡng thờ Mẫu ở Việt Nam, sự hiện diện của ngôi đền này có thể xem là minh chứng cho sự phân chia khu vực cai quản /phạm vi ảnh hưởng, cũng như quyền năng đối với niềm tin trong tín đồ của ba vị Thánh Mẫu: miền Bắc với Thánh Mẫu Liễu Hạnh, miền Trung với Thiên Y A Na, miền Nam với Bà Đên/Thâm/Đen (Mukjut). Chính vì vậy, theo chúng tôi, di tích thờ Liễu Hạnh ở chân Đèo Ngang (nay thuộc thôn Vĩnh Sơn - xã Quảng Đông - huyện Quảng Trạch - tỉnh Quảng Bình) xét về quy mô, phong cách và vị trí của nó trong lịch sử phát triển của dòng tín ngưỡng dân gian Việt rất xứng đáng để chúng ta trân trọng, bảo tồn./

Chú thích

1. Viện Hán Nôm. *Di tích lịch sử văn hóa Việt Nam*. Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1991.
2. Vũ Ngọc Khánh. *Lược truyện thân tổ các ngành nghề*. Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1991.
3. Quốc sử quán Triều Nguyễn. *Đại Nam Nhất Thống Chí* (tập 2). Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1997, tr. 60.
4. Gần đây, qua ông Phó hội trưởng Hội Cứu Tế Điện Huệ Nam (Thừa Thiên Huế), chúng tôi được biết các tượng thờ lần đồ khí tự của ngôi miếu này ngày xưa rất lớn, hiện được cất giữ sau năm 1985 bởi một người dân thôn Vĩnh Sơn (không rõ tên). Các tượng thờ hiện nay được làm lại bởi những thương nhân thường qua lại khu vực Đèo Ngang. Những người này cũng thường dùng xe đến miếu hương khói, dùng đó làm nơi gửi gắm niềm tin của họ khi phải vượt Hoàng Sơn, con đèo tuy không cao nhưng không kém phần hiểm trở, cũng như cầu xin được phúc lộc, may mắn trong công việc mua bán.
5. Theo thống kê của Hội Cứu Tế Điện Huệ Nam (Thừa Thiên Huế), hiện có trên dưới 10.000 người là tín đồ của Mẫu, nhưng là đệ tử của Liễu Hạnh công chúa thì con số không đến 1%.
6. Phổ Hóa Cung được xây dựng do vị quan là Phan Tử Phong và vợ là Nguyễn Thị Đào. Họ vốn đã từng thờ phụng Mẫu Liễu Hạnh ở quê nhà Hà Tĩnh, khi đến Huế nhậm chức, đã tiếp tục việc thờ Mẫu Liễu và thiết lập ngôi đền ở gần chùa Báo Quốc hiện nay. Năm 1939, đền được chuyển về vị trí hiện tại (88 Bùi Thị Xuân, Thành phố Huế). Đến nay, đền đã phát triển các chi nhánh: Diệu Vân điện (huyện Phú Lộc, Thừa Thiên Huế), Phổ Tế Cung (Lịch Đới, Thành phố Huế), Văn Phụng điện (ấp Ngũ Tây, Chín Hầm, Thừa Thiên Huế), Trường Sanh Cung (Hải Lăng, Quảng Trị). Nguyễn Hữu Thông (chủ biên). *Tín ngưỡng thờ Mẫu ở miền Trung Việt Nam*. Phân viện Nghiên cứu Văn hóa Nghệ thuật miền Trung tại Thành phố Huế & Nxb. Thuận Hóa xuất bản, Huế, 2001, tr. 76.
7. Ấn tượng này vẫn còn rói rốt mãi cho đến thời hiện đại khi người Việt vẫn dùng những danh từ phiếm xưng như: tháp Hời, miếu Lôi, tượng Lôi, bà Giàng/yang, rú Cắm... để chỉ những sản phẩm còn lại của nhóm cư dân bản địa tiền trú.
8. Xem thêm: Nguyễn Hữu Thông. *Bức tranh dân cư vùng Thuận Hóa đầu thế kỉ XV qua văn bản Thi Thiên Tự*. Tạp chí Thông tin Khoa học & Công nghệ Thừa Thiên Huế, số 1/1997, tr. 122 - 127.
9. Phạm Quỳnh Phương. *Theo bước chân của Văn Cát thần nữ*. Tạp chí Văn hóa Dân gian, số 4 (76)/2001, tr. 46.
10. Phạm Quỳnh Phương. Bđd, tr. 45.
11. Dưới sự bảo hộ, thao túng của thực dân Pháp và trước những bi kịch của triều đại, Đồng Khánh - vị vua thực sự mất hết vương quyền đã gần như gởi gắm linh hồn của mình cho Mẫu - một thái độ ngụy tín để tìm sự bình an cho chính mình và tự nguyện đứng hàng thứ 7 trong thất thánh.
12. Văn châu: danh từ người Huế quen dùng để chỉ những bài văn hầu - những bài ca được Cung Văn hát trong những buổi lễ hầu đồng.
13. Bùi Đình Thảo (chủ biên), Nguyễn Quang Hải. *Hát Châu Văn*. Nxb. Âm nhạc, Hà Nội, 1996.
14. Văn châu Đệ Nhất Trung Thiên Thánh Bà.
15. Hội Đồng văn.
16. Đệ Nhất Nội Cung văn.
17. Văn châu đức Chúa Thượng Ngàn.